

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày 16 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nông Thế Hạp.

+ Ông Nông Xuân Kiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 61/2024/TLST-HS ngày 26/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Phùng Văn H, tên gọi khác: không; Sinh ngày 29 tháng 02 năm 1992 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh X; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 5/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn S (đã chết) và bà Long Thị É; Vợ: Bàn Thị N; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 13/11/2023, Phùng Văn H bị Toà án nhân dân huyện Quảng Hoà, tỉnh X Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, H chưa đi thi hành Quyết định trên.

Nhân thân: Ngày 02/5/2013, Phùng Văn H bị Công an huyện T (nay là Công an huyện T), tỉnh X xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 47/QĐXPHC.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh X từ ngày 14/3/2024 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Long Thị É, sinh năm 1956 và chị Bàn Thị N, sinh năm 1993. Cùng nơi cư trú: Xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh X. Chị N có mặt, bà É vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 20 phút ngày 14/3/2024, tổ công tác Công an xã C chủ trì phối hợp với tổ công tác Đội điều tra tổng hợp Công an huyện T, tỉnh X làm nhiệm vụ tại khu vực xóm Đ (đoạn gần cầu treo), xã C, huyện T phát hiện Phùng Văn H đang ở trên hang đá trên đường có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật về ma túy nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện tại túi áo khoác phía trước bên trái H đang mặc có 01 bao thuốc lá Gold màu vàng, bên trong bao thuốc lá có 01 gói nhỏ được gói bằng giấy màu trắng, loại giấy kẻ ô ly, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục. H khai nhận là ma túy loại Heroine của H mua về sử dụng. Ngoài ra, còn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu đen bạc, màn hình cảm ứng, số imei: 354998070861163, điện thoại đã qua sử dụng; Số tiền 530.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn xám đen, biển kiểm soát 11U1 - 203.54, đã qua sử dụng. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành mở niêm phong cân số chất bột màu trắng thu giữ đối với Phùng Văn H và trích mẫu gửi giám định. Kết quả cân có khối lượng 0,19 gam (không phải mười chín gam). Tại Kết luận giám định số 207/KL - KTHS ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: “*Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine*”. (BL 38, 40)

Tại cơ quan điều tra, Phùng Văn H khai: Bản thân H sử dụng Heroine từ năm 2020, hình thức chích. 01 gói nhỏ ma túy mà cơ quan chức năng phát hiện, thu giữ ngày 14/3/2024 là Heroine của H mua về để sử dụng cho bản thân. Cụ thể: khoảng 13 giờ, H một mình điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 11U1 - 203.45 từ nhà đến thị trấn T, huyện T mục đích sửa điện thoại nhưng không sửa được. H gọi điện thoại cho Bùi Văn L, sinh năm 1983, trú tại xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh X và hỏi “anh có ở nhà không?”, thì L trả lời “anh không ở đâu, khoảng 30 - 40 phút nữa mới về”. Khoảng 05 phút sau, H điều khiển xe xuống bờ hồ T thuộc xã C, huyện T và tiếp tục gọi cho L hỏi “anh về đến nhà chưa”. L trả lời “vừa về đến nhà”. H hỏi tiếp “anh còn có không” tức là hỏi L có ma túy không. L trả lời “có, em lấy bao nhiêu”. H nói “em lấy hai trăm”, tức là hỏi mua ma túy với L 200.000 đồng. L trả lời “ừ, em đang ở đâu, đợi anh một tý”, H nói “em đợi ở hồ T”. Khoảng 05 phút sau, L điều khiển xe mô tô đi đến. H đưa cho L 200.000 đồng. L nhận tiền và đưa lại cho H 01 gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ. H nhận được ma túy thì cho vào trong bao thuốc lá, cất vào túi áo khoác đang mặc và đi đến hang đá thuộc xóm Đ, xã C, huyện T để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Bùi Văn L khai: Anh với Phùng Văn H là bạn bè, trước giờ không có mâu thuẫn gì với nhau. Thi thoảng hai người có điện thoại hỏi thăm nhau nếu có công việc đi bốc vác thì gọi nhau đi cùng. Đồng thời không được bán ma túy cho H lần nào.

Về tài sản tạm giữ xác định được: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 11U1- 203.54 đứng tên chủ sở hữu là Bàn Thị N, xe này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, việc bị cáo mang xe đi mua ma túy chị N hoàn toàn không biết. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus dùng để liên lạc hằng ngày và mua ma túy để sử dụng. Số tiền 530.000đ bà É cho bị cáo để sửa điện thoại, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số: 62/CT-VKSTK ngày 26/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh X đã truy tố Phùng Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo xác nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện khai báo và không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do nghiện nên khoảng hơn 13 giờ ngày 14/3/2024, bị cáo gọi điện thoại cho L mua một gói ma túy với giá 200.000đ. Việc mua bán này chỉ có bị cáo và L biết, ngoài ra không có tài liệu chứng minh. Mục đích mua ma túy để bản thân sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị N khai: Chị là vợ của bị cáo, trong quá trình điều tra có tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 11U1- 203.54. Xe này chị mua năm 2020 bằng tiền tích góp đi làm công nhân dưới Bắc Ninh và đứng tên chị là chủ sở hữu. Ngày 14/3/2024, bị cáo lấy xe đi mua ma túy chị hoàn toàn không biết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho chị, vì hiện nay gia đình rất khó khăn chỉ có chiếc xe này làm phương tiện đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn H từ 12 đến 18 tháng tù. Về vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số heroine thu giữ; Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy, còn $\frac{1}{2}$ giá trị được trả lại cho chị N; Trả số tiền 530.000đ cho bị cáo; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại tạm giữ của bị cáo. Buộc bị cáo chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo, người liên quan không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Hồi 14 giờ 20 phút ngày 14/3/2024, tổ công tác Công an xã C chủ trì phối hợp với tổ công tác Đội điều tra tổng hợp Công an huyện T, tỉnh X làm nhiệm vụ tại khu vực xóm Đ (đoạn gần cầu treo), xã C, huyện T, tỉnh X phát hiện Phùng Văn H đang tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,19gam. Mục đích để bản thân sử dụng.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác nhưng vì nghiện nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý, đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Khi bị bắt đang tàng trữ trái phép 0,19g ma túy, loại Heroine, đây là tình tiết định khung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội có điều kiện đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Xét về nhân thân: Bị cáo sử dụng ma túy, là chất Nhà nước ta nghiêm cấm tàng trữ dưới mọi hình thức, bị cáo biết nhưng vẫn cố tình thực hiện, ngoài ra bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên là người có nhân thân xấu. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về vật chứng: Số Heroine thu giữ là mặt hàng Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. 01 xe mô tô bị cáo dùng để đi mua ma túy là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe, giá trị còn lại được trả cho chị N; Số tiền 530.000đ là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. 01 điện thoại di động bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy sử dụng nên tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có công việc thu nhập ổn định, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[6]. Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, Phùng Văn H khai mua với Bùi Văn L, sinh năm 1983, trú tại xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh X. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ nhưng không đủ căn cứ để xử lý đối với Bùi Văn L về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề nghị xử lý đối với Bùi Văn L trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phùng Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 14 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 14/3/2024.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Vật chứng vụ án Phùng Văn H, xảy ra ngày 14/3/2024”.

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu đen bạc, màn hình cảm ứng.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn xám đen, biển kiểm soát 11U1 - 203.54, giá trị còn lại được trả cho chị Bàn Thị N.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 530.000đ.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phùng Văn H phải chịu 200.000đ, tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà É vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Quốc Toàn (*bằng TB*);
- Bị cáo; NCQLVNVLQ;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Tùng